TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ X** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 19/2017/HNGĐST Ngày: 04-8-2017 V/v tranh chấp ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ X, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Đậu Thị Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Lý;

2. Bà Nguyễn Thị Thắm.

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Nhung – Thư ký Toà án nhân dân thị xã X, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã X tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã X, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/6/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2017/QĐHPT-HNGĐ ngày 17/7/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Tuyết V, sinh năm 1994; hộ khẩu thường trú: Ấp F, xã G, thị xã X, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hoàng H, sinh năm 1993; hộ khẩu thường trú: Ấp F, xã G, thị xã X, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 12/01/2017 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên toà, nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết V trình bày: Bà V và ông Nguyễn Hoàng H chung sống với nhau từ năm 2011, có tổ chức cưới hỏi. Đến năm 2012, mới đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã G, huyện X (nay là thị xã X), tỉnh Bình Dương. Hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H không lo làm ăn, thường xuyên đi chơi đêm không về nhà. Ông H đi làm nhưng không đưa tiền cho vợ nuôi con. Ngoài ra còn ham mê cờ bạc, cặp kè ngoại tình, uống rượu say xỉn về nhà đánh đập bà V nhiều lần. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2017 cho đến nay. Nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, mặc dù hai bên đã cố hàn gắn tình cảm nhưng không thành nên bà V khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng H.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà V và ông H có 03 chung là cháu Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 29/8/2012, Nguyễn Hoàng L và Nguyễn Hoàng T, cùng sinh ngày 31/10/2014. Từ khi vợ chồng sống ly thân cho tới nay, con chung do bà V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Vì vậy khi ly hôn, bà V yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 03 con chung. Bà V yêu cầu ông H cấp dưỡng tiền nuôi 02 cháu Nguyễn Hoàng L và Nguyễn Hoàng T, mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi. Đối với cháu Nguyễn Thị Tuyết N, bà V không yêu cầu ông H cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không lý do. Ông H cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà V. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như các tài liệu, chứng cứ khác do Tòa án thu thập được để đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã X: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Hoàng H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Trần Thị Tuyết V và ông Nguyễn Hoàng V chung sống từ năm 2011, có tổ chức cưới hỏi . Đến năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã G, huyện X (nay là thị xã X), tỉnh Bình Dương. Như vậy, hôn nhân giữa ông H và bà V là hôn nhân hợp pháp.

Sau một thời gian chung sống, đến năm 2015 thì giữa ông H và bà V bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông H không lo làm ăn, không chăm lo cho cuộc sống gia đình và con cái, thường xuyên say xỉn, đánh đập vợ làm cho tình trạng hôn nhân ngày càng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2017 cho đến nay. Quá trình tham gia tố tụng, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng ông H không đến. Điều này cho thấy rằng ông H không còn quan tâm đến đời sống hôn nhân của vợ chồng. Xét mâu thuẫn hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn hôn nhân đã xảy ra trong một thời gian dài nhưng hai bên vẫn không hàn gắn được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Trần Thị Tuyết V được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng H theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà V và ông H có 03 chung là cháu Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 29/8/2012, Nguyễn Hoàng L và Nguyễn Hoàng T, cùng sinh ngày 31/10/2014. Từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, con chung do bà V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Xét thấy, cháu Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 29/8/2012, nay còn rất nhỏ, cần có sự quan tâm, chăm sóc của mẹ nhiều hơn. Các cháu Nguyễn Hoàng L và Nguyễn Hoàng T, cùng sinh ngày 31/10/2014, hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi. Căn cứ vào khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình: "*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con.*". Bà V hiện đang làm công nhân, có nhà ở và thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để chăm sóc, giáo dục con chung.

Căn cứ biên bản xác minh tại địa phương nơi cư trú của ông Nguyễn Hoàng H được biết: Ông H thường xuyên uống rượu, say xỉn, không đủ điều kiện để chăm sóc, giáo dục con chung. Ông H hiện đang làm nghề lái xe, thu nhập hàng tháng từ 6.500.000 đồng đến 6.800.000 đồng. Xét thấy, cả 03 con chung đều còn rất nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ. Do đó, vì lợi ích hợp pháp của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Trần Thị Tuyết V được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả 03 con chung. Buộc ông Nguyễn Hoàng H phải cấp dưỡng tiền nuôi 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng L và Nguyễn Hoàng T, cùng sinh ngày 31/10/2014 mỗi cháu 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/tháng cho đến khi cháu L và cháu T đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết V đối với bị đơn ông Nguyễn Hoàng V về việc: "Tranh chấp ly hôn".

Về hôn nhân: Bà Trần Thị Tuyết V được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng H.

Về con chung: Giao 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 29/8/2012, Nguyễn Hoàng L và Nguyễn Hoàng T, cùng sinh ngày 31/10/2014 cho bà Trần Thị Tuyết V được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông Nguyễn Hoàng H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi 02 con chung là Nguyễn Hoàng L và Nguyễn Hoàng T mỗi cháu 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày án có hiệu lực thi hành cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung.

Vì lợi ích hợp pháp của con chung, Toà án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau này nếu cần thiết.

Kể từ ngày án có hiệu lực thi hành và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải thanh toán cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí:

Bà Trần Thị Tuyết V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền số AA/2016/0006556 ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã X, tỉnh Bình Dương. Bà V còn phải nộp thêm 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng).

Ông Nguyễn Hoàng H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của Pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã X;
- Chi cục THADS thị xã X;
- UBND xã P, thị xã X, tỉnh Bình Dương;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đậu Thị Thảo